**Trường THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**

**Tổ: Toán GV: Nguyễn Văn Đức**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Tên bài dạy**

**ÔN TẬP CHƯƠNG I**

**Thời lượng: 1 tiết- tuần 8**

**I. MỤC TIÊU :**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được các kiến thức cơ bản về căn bậc hai (Căn bậc hai số học của số a không âm, căn thức bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{a}=\left|a\right|$, liện hệ giữa phép nhân và phép khai phương, phép chia và phép khai phương, đưa thừa số ra ngoài dấu căn, đưa thừa số vào trong dấu căn )

- Biết tổng hợp các kĩ năng đã có về tính toán, biến đổi biểu thức số và biểu thức chữ có chứa căn bậc hai.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: Đọc và tìm hiểu sgk về nội dung bài học, hợp tác, giao tiếp thảo luận nhóm hiệu quả, sử dụng ngôn ngữ toán học chính xác.

- *Năng lực chuyên biệt*: Vận dụng thành thạo các kiến thức căn bản về căn bậc hai, căn bậc ba để làm bài tập cụ thể.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức, tập trung, tự giác, tích cực trong nhiệm vụ được phân công

- Hợp tác, giúp đỡ bạn cùng hoàn thành nhiệm vụ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** Kế hoach dạy học, máy tính, ti vi,

**2. Học sinh:** Xem trước bài, thực hiện các hướng dẫn của tiết học trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để trả lời các câu hỏi sgk

**b) Nội dung:** Trả lời các câu hỏi của phần ôn tập chương 1.

**c) Sản phẩm:** Tái hiện lại một số nội dung kiến thức mà học sinh đã học

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**? Điều kiện để x là căn bậc hai số học của một số a không âm là gì?, Cho ví dụ.? Hãy chứng minh $\sqrt{a^{2}}=\left|a\right|$ với mọi số a? Biểu thức A phải thoả mãn điều kiện gì để $\sqrt{A}$ xác định ??Phát biểu định lý về mối liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương. Cho ví dụ? Phát biểu định lý về mối liên hệ giữa phép chia và phép khai phương. Cho ví dụ**\* Thực hiện nhiệm vụ**HS làm việc độc lập suy nghĩ trả lời câu hỏi.GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ**\* Báo cáo, thảo luận**- HS đứng tại chỗ trả lời, GV treo bảng phụ, uốn nắn, chốt lại**\* Kết luận, nhận định***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS**GV chốt lại kiến thức* | **I) Lý thuyết:**1/ 2/ (với A ≥ 0 và B ≥ 0)3/ (với A ≥ 0 và B > 0)4/ (với B ≥ 0)5/ (với A ≥ 0 và B ≥ 0) (với A < 0 và B ≥ 0)6/ $\sqrt{\frac{A}{B}}=\frac{1}{\left|B\right|}\sqrt{AB}$ (với AB ≥ 0 và B ≠ 0)7/ $\frac{A}{\sqrt{B}}=\frac{A\sqrt{B}}{B}$ (với B > 0)8/$\frac{C}{\sqrt{A}\pm B}=\frac{C\left(\sqrt{A}\mp B\right)}{A-B^{2}}$ (với A ≥ 0 và A ≠ B2)9/$\frac{C}{\sqrt{A}\pm \sqrt{B}}=\frac{C\left(\sqrt{A}\mp \sqrt{B}\right)}{A-B}$ (với A ≥ 0 , B ≥ 0 Và A ≠ B) |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** Bài 70,71,72,73, 76/SGK

**c) Sản phẩm:** Kết quả hoạt động của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**- HS làm bài tập 70a, d / 40 SGK trong phiếu học tập,- HS tiếp tục thực hiện cá nhân làm bài tập 71a, d; 72a, c; 73a trang 40 SGK. - HS hoạt động nhóm làm bài tập 76 a/ 41- HS hoạt động nhóm làm bài tập 74 a/ 40 **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV+ GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ **\* Báo cáo, thảo luận:**  + HS lên bảng làm bài tập + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\*Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HSGV chốt lại kiến thức. | **Bài 70/** Tìm giá trị các biểu thức sau bằng cách biến đổi, rút gọn thích hợp: (sgk)a/ $\sqrt{\frac{25}{81}.\frac{16}{49}.\frac{196}{9}} $= $\sqrt{\frac{25}{81}}.\sqrt{\frac{16}{49}}.\sqrt{\frac{196}{9}} $= $\frac{5}{9}.\frac{4}{7}.\frac{14}{3}$ = $\frac{40}{27}$d) $\sqrt{21,6}.\sqrt{810}.\sqrt{11^{2}-5^{2}}$=$ \sqrt{216.81}.\sqrt{\left(11-5\right)\left(11+5\right)}$= 9$\sqrt{216}$.4.$\sqrt{6}$= 36$\sqrt{1296}$ = 36.36 = 1296 **Bài 71/** Rút gọn các biểu thức sau: a/ $\left(\sqrt{8}-3\sqrt{2}+\sqrt{10}\right)\sqrt{2}$ - $\sqrt{5}$=$\sqrt{16}-3\sqrt{4}+\sqrt{20}-\sqrt{5} $= 4 – 3.2 + 2$\sqrt{5}$ - $\sqrt{5 }$= $\sqrt{5}$ - 2d/ $2\sqrt{\left(\sqrt{2}-3\right)^{2}}$+ $\sqrt{2.\left(-3\right)^{2}}$-$5.\sqrt{\left(-1\right)^{4}}$= 2.$\left(3-\sqrt{2}\right)$ + 3.$\sqrt{2}$ - 5 = 1 +$\sqrt{2}$**Bài 72/** Phân tích thành nhân tử.(với x, y, a, b không âm và a ≥ b) a/ xy - y$\sqrt{x}$ + $\sqrt{x}$ - 1 = y$\sqrt{x}$ ($\sqrt{x}$ - 1) + $\sqrt{x}$ - 1= ($\sqrt{x}$ - 1)(y$\sqrt{x}$ + 1), với x ≥ 0.c/ $\sqrt{a+b}$+ $\sqrt{a^{2}-b^{2}} $= $\sqrt{a+b}$ + $\sqrt{\left(a-b\right)\left(a+b\right)}$= $\sqrt{a+b}$ (1 + $\sqrt{a-b}$), với a ≥ b > 0.Bài 73/ (sgk)a/ $\sqrt{-9a}$ - $\sqrt{9+12a+4a^{2}}$ = 3$\sqrt{-a}$ - $\sqrt{\left(3+2a\right)^{2}}$= 3$\sqrt{-a}$ - $\left|3+2a\right|$, thay a = - 9 được: 3$\sqrt{-\left(-9\right)}$ - $\left|3+2\left(-9\right)\right|$ = 3.3 – 15 = - 6**Bài 76.**a/ Rút gọn Q.Q = $\frac{a}{\sqrt{a^{2}-b^{2}}}$ - $\left(\frac{\sqrt{a^{2}-b^{2}}+a}{\sqrt{a^{2}-b^{2}}}\right).\frac{a-\sqrt{a^{2}-b^{2}}}{b}$= $\frac{a}{\sqrt{a^{2}-b^{2}}}$ - $\frac{a^{2}-\left(\sqrt{a^{2}-b^{2}}\right)^{2}}{b.\sqrt{a^{2}-b^{2}}}$= $\frac{a}{\sqrt{a^{2}-b^{2}}}$-$\frac{a^{2}-\left(a^{2}-b^{2}\right)}{b.\sqrt{a^{2}-b^{2}}}$ = $\frac{a}{\sqrt{a^{2}-b^{2}}}$ - $\frac{b}{\sqrt{a^{2}-b^{2}}}$= $\frac{a-b}{\sqrt{a^{2}-b^{2}}}$ = $\frac{\left(\sqrt{a-b}\right)^{2}}{\sqrt{\left(a-b\right)\left(a+b\right)}}$ = $\frac{\sqrt{a-b}}{\sqrt{a+b}}$, b/ Thay a = 3b vào Q, ta có:Q = $\frac{\sqrt{3b-b}}{\sqrt{3b+b}}$ = $\sqrt{\frac{2b}{4b}}$ = $\sqrt{\frac{1}{2}}$ = $\frac{\sqrt{2}}{2}$**Bài 74**a/ = 3 ⇔ = 3 ⇔ 2x – 1 = 3 hoặc 2x – 1 = - 3⇔ x = 2 hoặc x = - 1. |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

* Ôn tập lại toàn bộ kiến thức chương 1
* Hoàn thành các bài tập còn lại của phần ôn tập chương 1.